

Số: 1255/GP-UBND

Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2023

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ Sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;


Căn cứ Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất; Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Căn cứ QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất, QCDP 01:2023/SL - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Chi nhánh Sơn La - Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đông Giao ngày 28/6/2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 372/TTr-STNMT ngày 05/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Chi nhánh Sơn La - Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đông Giao (địa chỉ trụ sở chính: Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La) khai thác, sử dụng nước dưới đất tại giếng GK2 với các nội dung sau: 

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Cấp nước phục vụ cho sinh hoạt và hoạt động sản xuất của Trung tâm chế biến rau quả DOVECO Sơn La.

2. Vị trí công trình khai thác nước: Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn.

3. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước khe nứt - lỗ hồng trong các trầm tích lục nguyên Trias giữa - trên (t_{2-3}).

4. Tổng số giếng khai thác: 01 giếng.

5. Tổng lượng nước khai thác lớn nhất: $190 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Trong đó:

- Sinh hoạt: $22 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hoạt động sản xuất: $168 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

6. Thời hạn của giấy phép là 05 (năm) năm tính từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ký Giấy phép.

7. Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 104^0 , múi chiếu 3^0)		Lưu lượng ($\text{m}^3/\text{ng.đ}$)	Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y		Từ	Đến		
GK2	2345129.7	506071,9	190	54	84	52,65	t_{2-3}

(Có Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện


1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chịu trách nhiệm toàn diện về các nội dung thẩm định trình phê duyệt, về số liệu, tính chính xác của các thông số kỹ thuật và các kết luận của Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật nhà nước; đồng thời chủ động tự rà soát kiểm tra, khắc phục những nội dung sai sót (nếu có).

- Có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên nước dùng chung của Trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước mặt của công trình này.

2. Các yêu cầu cụ thể đối với Chi nhánh Sơn La - Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao

a) Chi nhánh Sơn La - Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1, Điều 43 Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Tuân thủ các nội dung quy định tại Giấy phép; nếu thay đổi nội dung quy định tại Giấy phép phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản. 

c) Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT. Cụ thể:

- Lưu lượng nước khai thác: Lắp thiết bị giám sát lưu lượng khai thác ($m^3/ngày$ đêm) tại giếng với chế độ 24h/01 lần.

- Mực nước trong giếng khai thác: Giám sát định kỳ với chế độ 24h/01 lần.

- Chất lượng nước trong quá trình khai thác: Phân tích 01 mẫu nước tại giếng, so sánh với giới hạn cho phép tại QCVN 09-MT:2015/BTNMT và QCĐP 01:2023/SL; tần suất quan trắc: Chỉ tiêu mức độ A: 01 tháng/01 lần, chỉ tiêu mức độ B: 06 tháng/01 lần.

- Kết quả giám sát các thông số lưu lượng, mực nước phải cập nhật vào hệ thống giám sát trước 10h sáng ngày hôm sau; kết quả giám sát chất lượng nước phải cập nhật vào hệ thống giám sát không quá 05 ngày kể từ ngày có kết quả phân tích.

d) Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định.

đ) Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.

e) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước.

g) Hằng năm (*trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo*), tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc, giám sát theo quy định.

h) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La.

i) Các yêu cầu khác để bảo vệ tài nguyên nước, môi trường, phòng chống sụt lún mặt đất, ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước liên quan đến việc khai thác nước dưới đất:

- Bảo đảm tầng chứa nước không bị suy thoái, cạn kiệt, bảo vệ môi trường sinh thái, không gây sụt lún mặt đất.

- Khai thác nước dưới đất đảm bảo hạ thấp mực nước dưới đất trong giới hạn cho phép theo kết quả tính toán tại Hồ sơ cấp phép (*không quá 37,35m*).

- Phát hiện, xử lý, khắc phục các hiện tượng, sự cố bất thường về chất lượng nước, mực nước tại giếng khoan khai thác và các sự cố về môi trường do hoạt động khai thác của mình gây ra, đồng thời báo cáo kịp thời tới chính quyền địa phương, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mai Sơn và cơ quan cấp phép. Trường hợp có chỉ tiêu phân tích chất lượng nước vượt giới hạn cho phép tại các quy chuẩn tương ứng thì phải có biện pháp xử lý đảm bảo chất lượng nước cho các mục đích sử dụng.

k) Nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định pháp luật. 

Điều 3. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Chi nhánh Sơn La - Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép theo quy định. /.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước - Bộ TN&MT;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Mai Sơn;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Chi nhánh Sơn La - Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao;
- Chánh văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Biên KT, 15 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

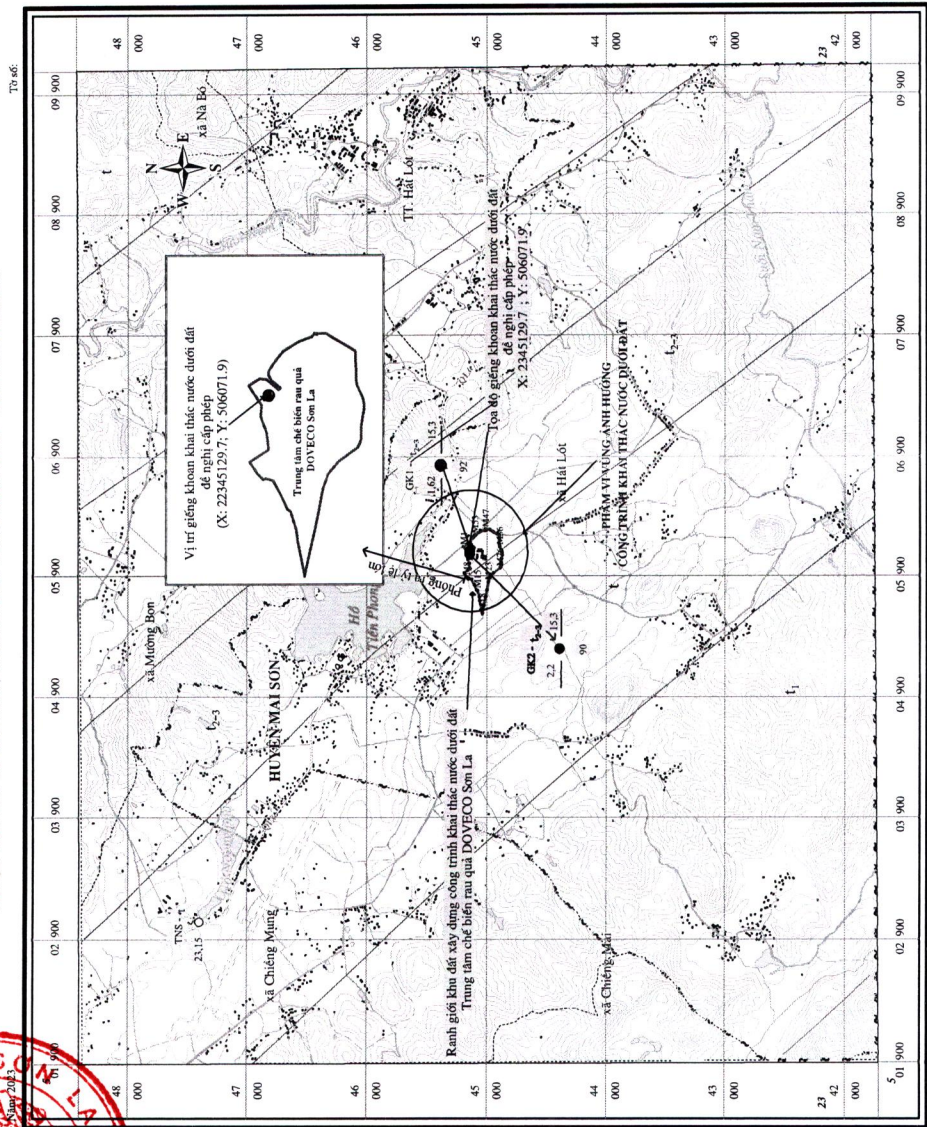
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu



SƠ ĐỒ KHU VỰC VÀ VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
TẠI TRUNG TÂM CHẾ BIẾN RAU QUẢ DOVECO SON LA - TIỂU KHU 10, XÃ HAT LOT, HUYỆN MẠI SƠN, TỈNH SƠN LA
THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU ĐỒNG GIAO - CHI NHÁNH SƠN LA



1. Bảng thông số công trình khai thác nước dưới đất

Mã công trình	TOA ĐỘ		Chiều sâu đến tầng nước ngầm (m)	Chiều sâu đến tầng nước ngầm (m)	Tỷ lệ	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm
	X	Y	(m)	(m)	(mm)	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm
CK2	2345129.7	506071.9	90	54	84	141	190	24	10-3

2. Tọa độ điểm khép góc khu đất xây dựng công trình KTDNĐ

Điểm góc	TOA ĐỘ		Điểm góc	TOA ĐỘ	
	X	Y		X	Y
1	2345181.75	506133.33	34	2344861.63	506091.49
2	2345145.14	506074.81	35	2344863.95	506099.10
3	2345147.96	506045.15	36	2344879.63	506134.75
4	2345131.91	505977.78	37	2344882.66	506152.24
5	2345125.86	505950.16	38	2344882.41	506183.66
6	2345143.54	505937.54	39	2344883.35	506200.17
7	2345177.98	505915.00	40	506229.74	506229.74
8	2345156.03	505880.75	41	2344886.34	506232.39
9	2345145.45	505869.40	42	2344908.15	506245.8
10	2345141.47	505863.38	43	2344929.95	506259.22
11	2345135.54	505867.85	44	2344938.38	506264.55
12	2345114.16	505861.74	45	2344955.68	506276.01
13	2345090.42	505817.32	46	2344964.55	506282.14
14	2345072.89	505776.52	47	2344996.95	506282.66
15	2345065.07	505771.78	48	2344991.13	506282.2
16	2345048.95	505717.57	49	2344991.13	506279.4
17	2345045.13	505685.64	50	2345005.09	506272.74
18	2345025.99	505800.84	51	2345041.23	506272.74
19	2345025.21	505800.95	52	2345079.36	506234.74
20	2345011.59	505647.21	53	2345086.56	506229.71
21	2344996.69	505717.21	54	2345097.91	506217.13
22	2344984.50	505776.63	55	2345106.65	506205.13
23	2344974.25	505837.09	56	2345125.29	506177.57
24	2344958.65	505881.44	57	2345127.59	506169.87
25	2344929.85	505916.55	58	2345127.05	506164.37
26	2344877.63	505955.58	59	2345123.61	506155.31
27	2344871.44	505966.3	60	2345116.97	506147.17
28	2344868.17	505979.08	61	2345093.16	506126.15
29	2344867.19	506000.04	62	2345098.78	506121.28
30	2344867.81	506011.39	63	2345130.16	506149.02
31	2344865.00	506037.64	64	2345134.96	506152.11
32	2344859.81	506065.56	65	2345143.88	506152.24
33	2344860.4	506081.95			

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỰC PHẨM XUẤT KHẨU ĐỒNG GIAO
CHI NHÁNH SƠN LA
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

TỶ LỆ 1: 25.000
Tên trên bản đồ bằng 250m người thực tế

Người lập: Vũ Đình Hải
Người kiểm tra: Nguyễn Văn Hùng